

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2022/DS-ST**
Ngày: 18 - 02 - 2022
V/v "*Tranh chấp đòi lại tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Mai Tấn Đầu**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

2. Ông **Huỳnh Quốc Diện**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lữ Cẩm Nhung** -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang:* Bà **Phạm Thị Thúy Kiều**- Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2020/TLST- DS, ngày 13 tháng 11 năm 2020 về việc "*Tranh chấp đòi lại tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/QĐST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Ngô Thị T**, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Số .. NTĐ, khu phố D Ô, phường VH, thành phố RG, tỉnh KG.

* *Bị đơn:* Ông **Đỗ Thanh D**, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Bà **Võ Thị Kim L (Võ Thị Thanh H)** (vắng mặt)

Địa chỉ: Lô .. căn ..., ấp SĐ, xã VHH, huyện CT, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2020; đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/4/2021 và các lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị Th trình bày:

Nguyên trước đây chị có giao bán cá cho vợ chồng ông Đỗ Thanh D và bà Võ Thị Kim L (tự H) nhiều lần, những lần trước thì anh D, chị L (tự H) trả cho

chị đầy đủ, nhưng từ đầu năm 2016 đến tháng 12 năm 2016 thì vợ chồng ông D, bà L không giao trả tiền cá mà chị đã giao bán cho vợ chồng chị L, anh D. Đến ngày 27/12/2016 thì chị với vợ chồng chị L chốt nợ lại với nhau thì vợ chồng anh D, chị L có ký giấy nợ lại cho bà với tiền là 264.320.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng*) và hẹn đến ngày 20/8/2020 sẽ trả cho chị mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) nhưng đến nay vẫn không trả cho bà được đồng nào. Nên chị khởi kiện yêu cầu buộc vợ chồng anh Đỗ Thanh D, chị Võ Thị Kim L (H) trả cho chị một lần số tiền nợ là 264.320.000đ (*Hai trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng*) chị không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa hôm nay chị Ngô Thị T có yêu cầu: Buộc vợ chồng anh Đỗ Thanh D, chị Võ Thị Kim L (H) trả cho chị một lần số tiền nợ là 264.320.000đ (*Hai trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng*) chị không yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn chị Võ Thị Kim L (H):* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc triệu tập, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng chị L không có văn bản trình bày cũng như không có ý kiến trình bày.

** Bị đơn anh Đỗ Thanh D trình bày:* Anh không không biết việc làm ăn kinh doanh mua bán của chị L với bà T như thế nào vì anh và chị L (H) đã ly hôn từ năm 2014 cho đến nay, anh không biết việc chị L nợ tiền của chị T và anh cũng không ký vào bất cứ biên nhận nào nên anh không đồng ý với yêu cầu của chị T. Anh yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật, anh xin vắng mặt trong các lần hòa giải và xét xử.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm nghị án tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự*

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối buộc bị đơn chị Võ Thị Kim L (H) phải trả tiền cho chị Ngô Thị T là 264.320.000đ (*Hai trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng*); Tại phiên tòa chị Ngô Thị T rút lại một phần yêu cầu của

mình về việc buộc anh Đỗ Thanh D phải liên đới cùng với chị Võ Thị Kim L (H) trả tiền cho chị Ngô Thị T nên đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc anh Đỗ Thanh D phải liên đới cùng chị Võ Thị Kim L trả tiền cho chị Ngô Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị T thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] - Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn chị Võ Thị Kim L (H) đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, đúng theo quy định nhưng chị L vẫn vắng mặt không lý do; Anh Đỗ Thanh D thì có yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Võ Thị Kim L (H) và anh Đỗ Thanh D.

[3] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Buộc vợ chồng anh Đỗ Thanh D, chị Võ Thị Kim L (H) trả cho chị một lần số tiền nợ mua bán cá là 264.320.000đ (*Hai trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng*) chị không yêu cầu tính lãi. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

[4] - Về nội dung vụ án: Chị Ngô Thị T yêu cầu buộc vợ chồng anh Đỗ Thanh D, chị Võ Thị Kim L (H) trả cho chị một lần số tiền đã mua bán cá là 264.320.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng*) chị không yêu cầu tính lãi; Bị đơn chị Võ Thị Kim L không có ý kiến trình bày; Anh Đỗ Thanh D không thống nhất với yêu cầu của chị Ngô Thị T vì anh không biết chuyện làm ăn của chị Loan, anh cũng không có ký vào biên nhận nợ, anh và chị đã ly hôn từ năm 2016 cho đến nay.

[4.1] - Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ khoản 02 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc*

khởi kiện, yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp”. Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị Võ Thị Kim L (H) không có sự phản đối, không có ý kiến nào đối với yêu cầu của chị Ngô Thị T cũng như đưa ra các chứng cứ khác để phản bác lại yêu cầu của chị T. Mặt khác, chị Võ Thị Kim L (H) đã được Tòa triệu tập, niêm yết hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do là xem như đã từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[4.2] - Xét về giao dịch mua bán tài sản giữa nguyên đơn chị Ngô Thị T với bị đơn chị Võ Thị Kim L (H) là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và phù hợp theo quy định. Bị đơn chị Võ Thị Kim L (H) đã nhận được tài sản thì phải có nghĩa vụ trả tiền theo quy định. Căn cứ vào biên nhận nợ ngày 27/12/2016 thì chị Võ Thị Kim L (H) thừa nhận còn nợ của chị Ngô Thị T số tiền 264.320.000 đồng và hứa sẽ trả mỗi tháng 2.000.000 đồng (BL 28) nhưng cho đến nay chị L (H) không thực hiện đúng nhưng thỏa thuận của mình là đã vi phạm về nghĩa vụ được quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự

Từ những căn cứ nhận định trên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị T buộc bị đơn chị Võ Thị Kim L(H) trả cho nguyên đơn chị Ngô Thị T số tiền 264.320.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng*)

[5] - Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của mình về việc không yêu cầu anh Đỗ Thanh D phải liên đới cùng với chị Võ Thị Kim L (H) trả nợ, yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và phù hợp theo ý chí nguyện vọng của nguyên đơn và đúng theo quy định của pháp luật nên cần đình chỉ phần yêu cầu này là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[6] - Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận nên ghi nhận để xem xét.

[7] - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bị đơn chị Võ Thị Kim L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 13.216.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn chị Ngô Thị T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 6.610.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006714 ngày 27/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 244; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 166; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

1 - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị T về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” đối với bị đơn chị Võ Thị Kim L (H)

2 - Buộc bị đơn chị Võ Thị Kim L (H) phải trả cho chị Ngô Thị T số tiền 264.320.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3 - Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc anh Đỗ Thanh D phải liên đới cùng với chị Võ Thị Kim L (H) trả tiền cho chị Ngô Thị T.

4 - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bị đơn chị Võ Thị Kim L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 13.216.000 đồng.

4.1. Hoàn trả cho nguyên đơn chị Ngô Thị T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 6.610.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006714 ngày 27/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5 - Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Mai Tấn Đầu